

PHƯƠNG ÁN
Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền tỉnh Nghệ An

Căn cứ các Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư¹; Công văn số 59-CV/BCĐ, ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ; Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 05/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Công văn số 169 -CV/TU ngày 05/11/2025 của Tỉnh ủy về tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Nghệ An;

Thực hiện Thông báo số 174-TB/TU ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Nghệ An; theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 1000/SNV-TCBC ngày 09/02/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Phương án tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền tỉnh Nghệ An, như sau:

Phần 1:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC BỘ MÁY, BIÊN CHẾ

I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH

Hiện có 15 sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh (14 cơ quan chuyên môn; 01 tổ chức hành chính khác), cụ thể như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1.1. Cơ cấu tổ chức và biên chế tại cơ quan Sở

Tổng số biên chế được giao 107 biên chế; tổng số biên chế hiện có 98 người; trong đó:

a) Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 07 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương: 08 phòng (Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch Tài chính, Phòng Quản lý xây dựng công trình, Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ, Phòng Quản lý đất đai, Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám, Phòng Khoáng sản).

¹ Kết luận số 121-KL/TW, ngày 24/01/2025; Kết luận số 126-KL/TW, ngày 14/02/2025; Kết luận số 127-KL/TW, ngày 28/02/2025; Kết luận số 160-KL/TW, ngày 31/5/2025; Nghị quyết số 60-NQ/TW, ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương; Kết luận số 174-KL/TW, ngày 04/7/2025; Kết luận số 177-KL/TW, ngày 11/7/2025; Kết luận số 178-KL/TW, ngày 17/7/2025; Kết luận số 183-KL/TW, ngày 01/8/2025; Kết luận số 187-KL/TW, ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng số lượng cấp phó của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; Quyết định số 360-QĐ/TW, ngày 29/8/2025 của Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu...

1.2. Cơ cấu tổ chức và biên chế tại các Chi cục

1.2.1. Chi cục Kiểm lâm

Tổng số biên chế được giao: 299 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 290 công chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 40; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 34. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.
- Các phòng chuyên môn: 5 phòng (Phòng Tổ chức tuyên truyền và Xây dựng lực lượng, Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn Thiên nhiên, Phòng Hành chính, Tổng hợp, Phòng Thanh tra, Pháp chế, Phòng Sử dụng và Phát triển rừng).
- Các Đội Kiểm lâm Cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng (PCCCR): 03 Đội (Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR số 1, Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR số 2, Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR số 3).
- Các Hạt Kiểm lâm: 17 Hạt Kiểm lâm (Con Cuông, Đô Lương, Quế Phong, Nghi Lộc, Quỳnh Lưu - Hoàng Mai, Vinh - Cửa Lò, Tân Kỳ, Thanh Chương, Yên Thành, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Diễn Châu, Anh Sơn, Nam Đàn - Hưng Nguyên, Tương Dương, Kỳ Sơn, Nghĩa Đàn - Thái Hòa).

1.2.2. Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

Tổng số biên chế được giao: 23 công chức, 13 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 18 công chức, 13 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 04; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 04. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng
- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng và tương đương (Phòng Tài chính tổng hợp, Phòng Kinh tế hợp tác và Bố trí dân cư, Phòng Nông thôn mới, Trạm Phát triển nông thôn).

1.2.3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Tổng số biên chế được giao: 19 công chức, 13 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 19 công chức, 13 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 09; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 06. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.
- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng và tương đương (Phòng Hành chính, tổng hợp, Phòng Chăn nuôi, Phòng Quản lý dịch bệnh, Trạm Kiểm dịch động vật Bắc Nghệ An).

1.2.4. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Tổng số biên chế được giao: 25 công chức, 10 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 23 công chức, 10 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 02; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 02. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng và tương đương (Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Bảo vệ thực vật, Phòng Trồng trọt, Trạm kiểm dịch thực vật nội địa).

1.2.5. Chi cục Thủy lợi

Tổng số biên chế được giao: 23 công chức, 61 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 22 công chức, 60 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 02; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 02. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 01 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 11 phòng và tương đương (Phòng Hành chính, Tài chính, Tổng hợp, Phòng Quản lý Đề điều, Phòng Quản lý công trình thủy lợi nước sạch nông thôn, Phòng phòng, chống thiên tai; các Hạt quản lý đề: Đô Lương, Thanh Chương, Nam Đàn, Hưng Nguyên I, Hưng Nguyên II, Vinh; Trạm Cảnh báo bão Cửa Lò và Thủy văn Bến Thủy).

1.2.6. Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư

Tổng số biên chế được giao: 27 công chức, 10 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 26 công chức, 07 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 06; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 14. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 05 phòng và tương đương (Phòng Hành chính, tổng hợp, Phòng Khai thác thủy sản, Phòng Kiểm ngư, Phòng Nuôi trồng thủy sản, Trạm Bờ).

1.2.7. Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường:

Tổng số biên chế được giao: 12 công chức, 08 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 12 công chức, 08 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 03; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 02. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 03 phòng và tương đương (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ, Trạm Chất lượng và Phát triển thị trường).

1.2.8. Chi cục Bảo vệ môi trường

- Tổng số biên chế được giao: 13 công chức, 18 viên chức; tổng số biên chế hiện có: 12 công chức, 08 viên chức. Tổng số hợp đồng lao động được giao: 02; tổng số hợp đồng lao động hiện có: 01. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chi cục trưởng và 03 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Tổng hợp và Thẩm định, Phòng Kiểm soát ô nhiễm)

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

1.3.1. Quỹ Bảo vệ môi trường

- Tổng số biên chế được giao: 22 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 17 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 06; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 0. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ)
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1).

1.3.2. Văn phòng Đăng ký đất đai

Tổng số biên chế được giao: 211 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 202 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 345; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 347. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 05 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Thông tin - Lưu trữ, Phòng Đăng ký và Cấp giấy chứng nhận, Phòng Kỹ thuật địa chính)
- Các Chi nhánh văn phòng đăng ký (VPĐK) đất đai: 20 Chi nhánh VPĐK đất đai (Anh Sơn, Con Cuông, Diễn Châu, Đô Lương, Kỳ Sơn, Hoàng Mai, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc, Nghĩa Đàn, Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quỳnh Lưu, Tân Kỳ, Thái Hòa, Thanh Chương, Tương Dương, Vinh, Yên Thành).
- Mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổng số biên chế được giao 32 biên chế; tổng số biên chế hiện có 32 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 37; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 49. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Đầu thầu, Phòng Dự án 1, Phòng Dự án 2).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.4. Trung tâm Phát triển quỹ đất

Tổng số biên chế được giao: 40 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 35 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 64; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 60. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Quản lý khai thác quỹ đất, Phòng Bồi thường và Giải phóng mặt bằng).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.5. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng

Tổng số biên chế được giao: 36 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 31 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 02; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 02. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính tổng hợp, Phòng Kế Hoạch nghiệp vụ, Phòng Kiểm tra giám sát).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.6. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường:

Tổng số biên chế được giao: 31 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 17 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 19; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 20. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Tổng hợp, Phòng Quan trắc môi trường, Phòng Thí nghiệm, Phòng Công nghệ môi trường).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.7. Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường:

Tổng số biên chế được giao: 29 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 24 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 31; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 19. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật - Nghiệp vụ, Phòng Quy hoạch - Địa giới, Phòng Đo đạc - Địa chính).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.8. Trung tâm Công nghệ thông tin

Tổng số biên chế được giao: 18 biên chế; tổng số hiện có: 09 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 06; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 17. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Phát triển công nghệ, Phòng Dữ liệu và Lưu trữ).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

1.3.9. Trung tâm Khuyến nông

Tổng số biên chế được giao: 41 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 41 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 0; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 02. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế hoạch Tài vụ, Phòng Chuyển giao Tiến bộ Khoa học kỹ thuật và Công nghệ, Phòng Thông tin, Đào tạo và Huấn luyện).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.10. Trung tâm giống nông nghiệp

Tổng số biên chế được giao: 41 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 24 biên chế hưởng lương từ nguồn thu, 45 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ hưởng lương nguồn thu); tổng số biên chế hiện có: 44 viên chức (hưởng lương từ ngân sách); tổng số lao động hợp đồng hiện có: 80. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng Kỹ thuật chăn nuôi, Phòng Kỹ thuật cây trồng).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

1.3.11. Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Tổng số biên chế được giao: 11 biên chế hưởng lương từ ngân sách, 05 biên chế hưởng lương từ nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 09 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 09; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 28. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cầu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

1.3.12. Trung tâm Giống Thủy sản

Tổng số biên chế được giao: 11 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 08 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 03; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 12. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

1.3.13. Ban quản lý Cảng cá

Tổng số biên chế được giao: 19 biên chế (trong đó: 15 biên chế hưởng lương ngân sách, 04 biên chế hưởng lương nguồn thu); tổng số biên chế hiện có: 11 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 06; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 18. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

1.3.14. Đoàn điều tra Quy hoạch lâm nghiệp:

Tổng số biên chế được giao: 30 biên chế (trong đó: 24 biên chế hưởng lương ngân sách, 06 biên chế hưởng lương nguồn thu); tổng số biên chế hiện có: 21 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 13; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 17. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng đoàn và 02 Phó Trưởng đoàn.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 03 phòng và tương đương (Phòng Tổ chức hành chính Kế toán, Phòng Kế hoạch Kỹ thuật, Đội Điều tra thiết kế quy hoạch).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

1.3.15. Đoàn Quy hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi

Tổng số biên chế được giao: 32 biên chế (trong đó: 27 biên chế hưởng lương ngân sách, 05 biên chế hưởng lương nguồn thu); tổng số biên chế hiện có: 26 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 06; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 15. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng đoàn và 02 Phó trưởng đoàn.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phòng Quy hoạch - Thiết kế).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

1.3.16. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống

Tổng số biên chế được giao: 10 biên chế công chức, 38 biên chế viên chức; tổng số biên chế hiện có: 09 công chức: 37 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 09; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 09. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc, đồng thời là Hạt trưởng kiểm lâm và 02 Phó Giám đốc (công chức).

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Khoa học - Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế).

- Các Trạm quản lý bảo vệ rừng: 03 Trạm và Văn phòng Hạt kiểm lâm Khu BTTN Pù Huống.

- Các trạm quản lý bảo vệ rừng trực thuộc Hạt kiểm lâm: 04 Trạm (Diễn Lãm, Bình Chuẩn, Nga My, Cẩm Muộn).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.17. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt:

Tổng số biên chế được giao: 10 biên chế công chức, 25 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách, 29 biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 10 công chức, 24 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng hiện có: 29. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc, đồng thời là Hạt trưởng kiểm lâm và 02 Phó Giám đốc (công chức).

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng và tương đương (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Hạt Kiểm lâm).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

1.3.18. Ban quản lý rừng phòng hộ Kỳ Sơn

Tổng số biên chế được giao: 15 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách, 25 biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 15 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 07; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 27. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 70% đến dưới 100%).

1.3.19. Ban quản lý rừng phòng hộ Tương Dương:

Tổng số biên chế được giao: 15 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách, 26 biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 15 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 0; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 48. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 70% đến dưới 100%).

1.3.20. Ban quản lý rừng phòng hộ Quỳnh Châu:

Tổng số biên chế được giao: 14 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 14 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 10; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 08. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.21. Ban quản lý rừng phòng hộ Thanh Chương:

Tổng số biên chế được giao: 14 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 14 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 30; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 30. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.22. Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Kỳ:

Tổng số biên chế được giao: 12 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 11 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 16; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 09. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.23. Ban quản lý rừng phòng hộ Con Cuông:

Tổng số biên chế được giao: 14 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 13 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 10; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 12. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.24. Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 19 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 19 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 100; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 78. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 04 Phó Trưởng ban.

- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Tổ chức Hành chính Kế toán, Phòng Kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng: Trưởng phòng, 06 viên chức và 71 hợp đồng lao động; được phân bổ về các trạm quản lý bảo vệ rừng: Quỳnh Lưu, Hoàng Mai, Yên Thành 1, Yên Thành 2).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.25. Ban quản lý rừng phòng hộ Nghi Lộc:

Tổng số biên chế được giao: 09 biên chế hưởng lương ngân sách, 04 biên chế hưởng lương nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 09 viên chức (hưởng lương ngân sách). Tổng số lao động hợp đồng được giao: 47; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 46. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

1.3.26. Ban quản lý rừng Đặc dụng Nam Đàn:

Tổng số biên chế được giao: 23 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 23 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 05; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 32. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Tổ chức hành chính - Tổng hợp, Phòng Kỹ thuật - Quản lý bảo vệ rừng).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.27. Ban quản lý rừng phòng hộ Anh Sơn:

Tổng số biên chế được giao: 09 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số hiện có: 09 viên chức. Tổng số lao động hợp đồng được giao: 14; tổng số lao động hợp đồng hiện có: 15. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cầu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

1.3.28. Tổng đội TNXP-XDKT huyện Quỳnh Lưu:

Tổng số biên chế được giao 05 biên chế; tổng số hiện có 05 biên chế.

- Ban Lãnh đạo: Gồm có Phó Tổng đội phụ trách.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Tổng đội (không có tổ chức cầu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

2. Sở Nội vụ

2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao là 75 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 74 công chức, 06 nhân viên hợp đồng lao động, Trong đó:

a) Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

b) Các phòng thuộc Sở: 09 phòng (Văn phòng, Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức Phi Chính phủ, Phòng Công chức viên chức, Phòng Cải cách hành chính và Văn thư lưu trữ, Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên, Phòng Thi đua khen thưởng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Người có công, Phòng Lao động - Việc làm - An toàn lao động).

2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

2.2.1. Trung tâm Dịch vụ việc làm Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 25 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách, 04 biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu; tổng số biên chế hiện có: 23 viên chức, 37 nhân viên hợp đồng lao động. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính - Tài chính, Phòng Việc làm - Đào tạo, Phòng Bảo hiểm thất nghiệp).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

2.2.2. Trung tâm Lưu trữ lịch sử:

Tổng số biên chế được giao: 25 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 24 viên chức. Nhân viên hợp đồng lao động: 02 người. Trong đó:

- Ban Giám đốc: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

2.2.3. Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ Việt - Lào:

Tổng số biên chế được giao: 18 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 17 viên chức và 01 nhân viên hợp đồng lao động. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Ban (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do Ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

2.2.4. Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 70 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; tổng số biên chế hiện có: 61 viên chức. Nhân viên hợp đồng lao động: 02 người. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Y tế - Điều dưỡng, Phòng Chăm sóc - Phục hồi chức năng).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

2.2.5. Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng Nghệ An

Tổng số biên chế được giao: 64 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; Tổng số biên chế hiện có 58 viên chức hưởng lương từ ngân sách; 03 viên chức hưởng lương từ nguồn thu. Nhân viên hợp đồng lao động: 10 người. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính - Kế toán, Phòng Nghiệp vụ Buồng, Phòng Đời sống - Dinh dưỡng, Phòng khám đa khoa, chuyên khoa).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

3. Sở Xây dựng

3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao 104 công chức và 22 hợp đồng hỗ trợ phục vụ. Tổng số biên chế hiện có 101 công chức và 09 hợp đồng hỗ trợ phục vụ. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 06 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn thuộc Sở: 09 phòng (Văn phòng, Phòng Quản lý Vận tải, Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng; Phòng Kinh tế, Kế hoạch; Phòng Quản lý Chất lượng, Phòng Thẩm định dự án, Phòng Quy hoạch Kiến trúc và Phát triển đô thị, Phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản, Phòng Khoa học công nghệ và Vật liệu xây dựng).

3.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

3.2.1. Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 63 (gồm 58 viên chức + 05 hợp đồng); tổng số hiện có: 63 người (gồm 44 viên chức + 19 hợp đồng). Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 07 phòng (Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kế hoạch - Tổng hợp, Phòng Dự án 1, Phòng Dự án 2, Phòng Dự án 3, Phòng Giao thông nông thôn, Phòng Giải phóng mặt bằng).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

3.2.2. Ban Quản lý Bảo trì đường bộ Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 62 (48 viên chức và 14 HĐLĐ); Tổng số hiện có: 45 người làm việc (31 viên chức và 14 HĐLĐ). Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch, Phòng Bảo trì 1, Phòng Bảo trì 2).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

3.2.3. Viện Quy hoạch kiến trúc xây dựng Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 18 viên chức hưởng lương ngân sách, 27 viên chức hưởng lương từ nguồn thu; 09 hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ hưởng lương từ nguồn thu. Tổng số biên chế viên chức hiện có: 17 viên chức; 41 hợp đồng lao động dài hạn; 01 hợp đồng ngắn hạn - Bảo vệ. Trong đó:

- Ban lãnh đạo Viện: Viện trưởng và 03 Phó Viện trưởng.

- Các phòng chuyên môn: 06 phòng (Phòng Kế hoạch - Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng khoa học kỹ thuật, Phòng Quy hoạch - Tư vấn tổng hợp, Phòng tư vấn Kiến trúc xây dựng, Phòng khảo sát, thí nghiệm vật liệu xây dựng và địa chất công trình).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 70% đến dưới 100%).

3.2.4. Trung tâm Kiểm định xây dựng Nghệ An:

Tổng số biên chế viên chức, người lao động được giao: 26 người (15 người làm việc và 10 hợp đồng không xác định thời hạn, 01 hợp đồng thời vụ); tổng số viên chức, người lao động hiện có: 23 người (03 viên chức; 19 Hợp đồng lao động dài hạn; 01 Hợp đồng thời vụ - bảo vệ).

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc

- Các Lĩnh vực trực thuộc: Lĩnh vực Giám định, kiểm định; Lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng, Lĩnh vực Thí nghiệm xây dựng, LAS 409; lĩnh vực chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

3.2.5. Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 45 người; hiện có: 37 người. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Phó Giám đốc phụ trách và 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng kiểm định, Phòng nghiệp vụ).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

3.2.6. Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An

Tổng số viên chức, hợp đồng lao động hiện có: 81 người, trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Kế hoạch kỹ thuật vật tư, Phòng Tài Vụ, Phòng Tổ chức hành chính).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

4. Sở Khoa học và Công nghệ

4.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao: 48 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 50 công chức. Trong đó:

a) Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở: 05 phòng (Văn phòng, Phòng Quản lý Khoa học, Phòng Quản lý Công nghệ, Phòng Chuyển đổi số, Phòng Quản lý Đo lường Chất lượng).

4.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

4.2.1. Trung tâm Khoa học Công nghệ và Truyền thông Nghệ An:

Tổng số biên chế viên chức được giao: 14 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 14 viên chức. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: 02 Phó Giám đốc (hiện giao 01 Phó Giám đốc phụ trách).
- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cấu thành đơn vị).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

4.2.2. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Nghệ An:

Tổng số biên chế được giao: 13 biên chế viên chức hưởng lương ngân sách; 02 biên chế viên chức hưởng lương nguồn thu. Tổng số biên chế hiện có: 11 viên chức. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Kinh tế - Xã hội và hợp tác đào tạo, Phòng Lịch sử - Văn hóa, Phòng Thông tin khoa học xã hội và nhân văn).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

4.2.3. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

Tổng số biên chế viên chức được giao: 08 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 08 viên chức. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Viên chức tham mưu trực tiếp lãnh đạo Trung tâm (không có tổ chức cấu thành đơn vị).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

4.2.4. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Nghệ An

Tổng số biên chế được giao: 23 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 23 viên chức. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Khoa học và Hợp tác chuyên gia, Trại Nghiên cứu thực nghiệm và dịch vụ KHCN, Trạm Nghiên cứu thực nghiệm và Ươm tạo công nghệ cao Thái Hòa).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao là 67 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 66 công chức. Trong đó:

- a) Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 05 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở: 08 phòng (Văn phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý Di sản Văn hóa, Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình, Phòng Quản lý Thể dục thể thao, Phòng Quản lý Du lịch, Phòng Quản lý và Phát triển Tài nguyên Du lịch, Phòng Thông tin, Báo chí, Xuất bản).

5.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

5.2.1. Khu Di tích Kim Liên:

Tổng số biên chế viên chức được giao: 50 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 21 biên chế hưởng lương từ nguồn thu. Tổng số biên chế hiện có: 49 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 21 biên chế hưởng lương từ nguồn thu. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Tuyên truyền giáo dục, Phòng Sơ tư, Kiểm kê bảo quản và Trưng bày, Ban Quản lý Khu mộ bà Hoàng Thị Loan).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

5.2.2. Ban quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ:

Tổng số biên chế viên chức được giao: 21 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 02 biên chế hưởng lương từ nguồn thu. Tổng số biên chế hiện có: 21 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 09 Hợp đồng hỗ trợ phục vụ. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban.
- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Phát huy giá trị, Phòng Kỹ thuật và Bảo vệ, Phòng Hành chính - Tổng hợp).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

5.2.3. Bảo tàng Nghệ An - Xô Viết Nghệ Tĩnh:

Tổng số biên chế viên chức được giao: 33 biên chế; tổng số biên chế hiện có 33 viên chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Quyền Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiên cứu, sơ tư - kiểm kê - bảo quản, Phòng Trưng bày, tuyên truyền, giáo dục).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

5.2.4. Ban quản lý Di tích

Tổng số biên chế viên chức được giao: 31 biên chế; tổng số biên chế hiện có 30 viên chức, 03 hợp đồng lao động (trong đó có 01 hợp đồng trực quầy thông tin tại sân bay Vinh). Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Trưởng ban và 02 Phó trưởng ban.
- Các phòng chuyên môn: 04 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Phát huy giá trị di tích, Phòng Tu bổ, tôn tạo di tích, Phòng Xúc tiến Du lịch).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

5.2.5. Thư viện tỉnh

Tổng số biên chế viên chức được giao: 19 biên chế; tổng số biên chế hiện có 18 viên chức; Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ: 02. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Hành chính, công nghệ và truyền thông, Phòng Nghiệp vụ).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

5.2.6. Trung tâm Văn hóa tỉnh

Tổng số biên chế viên chức được giao: 23 biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, 04 biên chế hưởng lương từ nguồn thu; tổng số biên chế hiện có 21 viên chức, 02 Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ Văn hóa, Phòng Cổ động trực quan, triển lãm).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

5.2.7. Trung tâm Nghệ thuật truyền thống Nghệ An

Tổng số biên chế viên chức được giao: 89 biên chế; tổng số biên chế hiện có 87 viên chức, 07 Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng (Phòng Nghiên cứu - Sưu tầm, Phòng Hành chính - Tổng hợp, Đoàn Dân ca Ví giặm, Đoàn Ca múa nhạc dân tộc).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

5.2.8. Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao

Tổng số biên chế viên chức được giao: 36 biên chế hưởng lương từ ngân sách; 07 Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ hưởng lương từ nguồn thu; tổng số

biên chế hiện có 36 viên chức, 01 Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ hưởng lương từ nguồn thu, 02 Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Đào tạo - Huấn luyện, Phòng Thi đấu - Dịch vụ thể thao).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

5.2.9. Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao

- Tổng số biên chế viên chức được giao: 35 biên chế; tổng số biên chế hiện có 35 viên chức, 03 Hợp đồng hỗ trợ, phục vụ.

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng.

- Các tổ chuyên môn: 03 Tổ (Tổ Văn phòng, Tổ Khoa học Xã hội, Tổ Khoa học Tự nhiên).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

6. Sở Công Thương

6.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế tại Cơ quan Sở

Tổng số biên chế được giao 52 biên chế; tổng số hiện có 47 công chức; trong đó:

- Lãnh đạo Sở: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở: 06 phòng (Văn phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp, Phòng Quản lý Công nghiệp, Phòng Quản lý Thương mại, Phòng Quản lý Năng lượng, Phòng Kỹ thuật An toàn - Môi trường).

6.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại Chi cục Quản lý thị trường

Tổng số biên chế được giao: 100 biên chế, tổng số hiện có 83 công chức; trong đó:

- Lãnh đạo Chi cục: Chi cục trưởng và 02 Phó Chi cục trưởng.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 14 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp. Các Đội Quản lý thị trường (QLTT): Số 1, số 2, số 3, số 4, số 5, số 6, số 7, số 8, số 9, số 10, số 11, số 12).

6.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn phát triển công thương

Biên chế viên chức được giao: 29 biên chế, tổng số hiện có: 25 viên chức; trong đó:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Hỗ trợ và Tư vấn, Bộ phận xúc tiến thương mại).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

7. Sở Y tế

7.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao: 89 biên chế; số công chức, người làm việc hiện có: 80 người (trong đó có 78 công chức và 02 viên chức); ngoài ra có 08 hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ. Trong đó:

a) Ban lãnh đạo: Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở: 10 phòng (Văn phòng, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Quản lý hành nghề, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Nghiệp vụ y, Phòng Nghiệp vụ Dược, Phòng Dân số, Phòng An toàn thực phẩm, Phòng Bảo trợ xã hội và trẻ em, Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội).

7.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

7.2.1. Các đơn vị y tế cấp tỉnh: Có 21 đơn vị cấp tỉnh, gồm:

- 05 Trung tâm trong lĩnh vực chuyên ngành: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Pháp y; Trung tâm Huyết học - Truyền máu.

- 13 bệnh viện trong lĩnh vực khám, chữa bệnh: Bệnh viện Hữu nghị đa khoa; Bệnh viện Sản Nhi; Bệnh viện Ung bướu; Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Nội tiết Bệnh viện Da liễu; Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc; Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam.

- 03 đơn vị trong lĩnh vực bảo trợ xã hội; trẻ em: Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Công tác xã hội; Quỹ bảo trợ trẻ em.

7.2.2. Các đơn vị y tế cấp huyện: Có 27 đơn vị y tế cấp huyện (cũ), gồm:

- 07 bệnh viện: Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh; Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc; Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu; Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu; Bệnh viện Đa khoa Yên Thành; Bệnh viện Đa khoa Thanh Chương, Bệnh viện Đa khoa Đô Lương.

- 20 Trung tâm Y tế:

+ 09 Trung tâm Y tế không có giường bệnh: Trung tâm Y tế thành phố Vinh, Trung tâm Y tế huyện Nghi Lộc, Trung tâm Y tế huyện Diễn Châu, Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Lưu, Trung tâm Y tế huyện Yên Thành, Trung tâm Y tế huyện Thanh Chương, Trung tâm Y tế huyện Đô Lương, Trung tâm Y tế thị xã Thái Hoà, Trung tâm Y tế huyện Con Cuông.

+ 11 Trung tâm Y tế có giường bệnh: Trung tâm Y tế huyện Nam Đàn, Trung tâm Y tế huyện Hưng Nguyên, Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn, Trung tâm

Y tế huyện Tương Dương, Trung tâm Y tế huyện Quế Phong, Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Châu, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn, Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Hợp, Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn, Trung tâm Y tế huyện thị xã Hoàng Mai.

7.2.3. Các trạm y tế xã, phường, thị trấn và phòng khám đa khoa khu vực:

- 457 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trực thuộc các Trung tâm Y tế cấp huyện (cũ).

- 02 Phòng khám đa khoa khu vực:

+ Phòng khám đa khoa khu vực Năm Nam thuộc Trung tâm Y tế huyện Nam Đàn.

+ Phòng khám đa khoa khu vực Yên Hoà thuộc Trung tâm Y tế huyện Tương Dương.

7.2.4. Số lượng người làm việc

Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm xây dựng Phương án: 16.586 người. Trong đó có: 15.441 viên chức và 1.145 hợp đồng lao động; cụ thể:

- Các đơn vị cấp tỉnh: Số lượng người làm việc tại 05 đơn vị trong lĩnh vực chuyên ngành là 438 người (400 viên chức, 38 hợp đồng lao động); số lượng người làm việc tại 13 bệnh viện trong lĩnh vực khám, chữa bệnh là 8.087 người (7.395 viên chức, 692 hợp đồng lao động); số lượng người làm việc tại 03 đơn vị trong lĩnh vực bảo trợ xã hội và trẻ em là 84 người (75 viên chức và 9 hợp đồng lao động).

- Các đơn vị cấp huyện (cũ): Số lượng người làm việc tại 07 Bệnh viện Đa khoa là 3.062 người (2.782 viên chức, 280 hợp đồng lao động), tại 20 Trung tâm Y tế là 2.261 người (2.135 viên chức, 126 hợp đồng lao động).

- Trạm Y tế xã: số người làm việc tại 457 trạm y tế xã, phường, thị trấn là 2.654 viên chức.

- Phòng khám đa khoa khu vực: 15 viên chức (bổ trí trong tổng viên chức của các Trung tâm Y tế), trong đó 4 viên chức tại Phòng khám đa khoa khu vực Năm Nam bổ trí trong tổng viên chức của Trung tâm Y tế Nam Đàn, 11 viên chức tại Phòng khám đa khoa khu vực Yên Hoà bổ trí trong tổng viên chức của Trung tâm Y tế Tương Dương.

(Chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3 gửi kèm theo)

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

8.1. Cơ cấu tổ chức và biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế được giao: 68 biên chế công chức; tổng số hiện có: 64 công chức và 05 hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/NĐ-CP. Trong đó:

a) Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương: 08 phòng (Văn phòng và Truyền thông, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Tài chính và Đầu tư giáo dục, Phòng Giáo dục Mầm non, Phòng Giáo dục Tiểu học, Phòng Giáo dục Trung học, Phòng Quản lý chất lượng, Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).

8.2. Tổ chức bộ máy, số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

8.2.1. Các đơn vị trực thuộc Sở: Gồm 108 đơn vị, trong đó: 01 trường mầm non; 70 Trường Trung học phổ thông (THPT); Trung tâm Giáo dục thường xuyên (GDTX) số 2; Trung tâm GDTX - Hướng nghiệp; 19 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) - GDTX và 10 Trường Trung cấp; 06 Trường Dân tộc nội trú Trung học cơ sở. Cụ thể:

(1) Trung tâm GDTX số 2 (Cửa Lò):

Tổng số biên chế được giao: 15; tổng số biên chế hiện có: 15. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.
- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính).
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

(2) Trung tâm GDTX-Hướng nghiệp:

Tổng số biên chế được giao: 56; tổng số biên chế hiện có: 56. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.
- Các tổ chức thuộc trực thuộc: 07 phòng.
- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

(3) 70 Trường Trung học phổ thông và 01 trường mầm non.

(4) Các Trường Trung cấp và Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề người khuyết tật Nghệ An:

- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An: Số viên chức hưởng lương ngân sách: 17; số viên chức hưởng lương từ nguồn thu: 10; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 39 người, gồm: 17 viên chức, 22 HĐLĐ đơn vị chi trả lương (trong đó có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 25; số viên chức được giao hưởng lương từ nguồn thu: 11; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 46 người, gồm: 25 viên chức, 21 HĐLĐ đơn vị chi trả lương (trong đó có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tây Nam Nghệ An: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 19; số viên chức được giao hưởng lương từ

nguồn thu: 8; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 23 người, gồm: 19 viên chức, 04 HĐLĐ đơn vị chi trả lương (trong đó có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

- Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghiệp - Thủ công nghiệp Nghệ An: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 25; số viên chức được giao hưởng lương từ nguồn thu: 14; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 34 người, gồm: 25 viên chức, 09 HĐLĐ đơn vị chi trả lương (trong đó có 02 Phó Hiệu trưởng).

- Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Vinh: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 46 (hiện Bộ Xây dựng chưa bàn giao biên chế); số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 44 người, gồm: 42 viên chức, 02 LĐHĐ (trong đó có 01 Hiệu trưởng, 01 Phó Hiệu trưởng).

- Trường Trung cấp Dân tộc nội trú Nghệ An: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 21; số viên chức được giao hưởng lương từ nguồn thu: 16; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: gồm: 38 người, gồm: 21 viên chức, 17 HĐLĐ đơn vị chi trả lương (Trong đó có 01 Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng).

- Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề người khuyết tật Nghệ An: Số viên chức được giao hưởng lương ngân sách: 38; số người làm việc và hợp đồng lao động hiện có: 38 người, gồm: 38 viên chức (trong đó có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc).

- Trung cấp nghề Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Yên Thành: Số người hưởng lương từ NSNN: 16 người; Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ: 05 người.

- Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc: Số người hưởng lương từ NSNN: 16 người; Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ: 0 người.

- Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật Vinh: Số người hưởng lương từ NSNN: 13 người; Hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ: 02 người.

(5) Các Trung tâm GDNN - GDTX: Gồm 19 Trung tâm: Hiện có 307 người, trong đó được ngân sách cấp 322 người, hợp đồng lao động do đơn vị ký 275 người.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 gửi kèm theo).

(6) Các Trường Dân tộc nội trú THCS, gồm: Trường Dân tộc nội trú THCS Quỳnh Hợp; Trường Dân tộc nội trú THCS Quế Phong; Trường Dân tộc nội trú THCS Kỳ Sơn; Trường Dân tộc nội trú THCS Con Cuông; Trường Dân tộc nội trú THCS Quỳnh Châu; Trường Dân tộc nội trú THCS Tương Dương.

9. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

9.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế tại Văn phòng UBND tỉnh:

Tổng số biên chế được giao 81 biên chế công chức, 21 biên chế viên chức; tổng số biên chế hiện có: 75 công chức, 17 viên chức. Trong đó:

- Lãnh đạo UBND tỉnh: Chủ tịch và 04 Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh: Chánh Văn phòng và 04 Phó Chánh Văn phòng.

- Các phòng chuyên môn: 07 phòng (Phòng Tổng hợp, Phòng Kinh tế, Phòng Khoa giáo - Văn xã, Phòng Nội chính, Phòng Công nghiệp, Phòng Nông nghiệp, Phòng Hành chính - Quản Trị).

- Ban Tiếp công dân.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

9.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh:

9.2.1. Cổng Thông tin điện tử Nghệ An:

- Tổng biên chế được giao 12 biên chế, tổng biên chế hiện có 10 viên chức; trong đó: 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, 02 Phó Trưởng phòng và 06 chuyên viên.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 4).

9.2.2. Nhà khách Nghệ An:

- Gồm có 01 Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 07 tổ, bộ phận.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

10. Sở Tư pháp

10.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng số biên chế công chức giao: 37 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 36 công chức, hợp đồng hỗ trợ: 03 người. Trong đó:

a) Lãnh đạo Sở: Giám đốc Sở và 02 Phó Giám đốc Sở.

b) Các phòng chuyên môn và tương đương: 05 phòng (Văn phòng Sở, Phòng Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Phòng Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật, Phòng Bổ trợ tư pháp, Phòng Hành chính tư pháp).

10.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy, số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

10.2.1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước:

Tổng số biên chế được giao: 21 biên chế; tổng số biên chế hiện có: 20 viên chức. Trong đó:

- Lãnh đạo trung tâm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc Trung tâm.

- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Nghiệp vụ, Phòng Hành chính - Tổng hợp).

- Các Chi nhánh: Số 1, Số 2, Số 3.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

10.2.2. Phòng Công chứng số 1:

- Tổng số biên chế hiện có: 08 người, gồm có: Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và 06 viên chức, người lao động (không có tổ chức cầu thành).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

10.2.3. Phòng Công chứng số 2:

- Tổng số biên chế hiện có: 10 người, gồm có: Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và 08 viên chức, người lao động (không có tổ chức cầu thành).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

10.2.3. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản:

- Tổng số biên chế hiện có: 16 người, gồm có: Giám đốc Trung tâm, 01 phó Giám đốc Trung tâm và 14 viên chức, người lao động (không có tổ chức cầu thành).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

11. Sở Ngoại vụ

Tổng số biên chế được giao là 17; tổng số công chức hiện có 15 người. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Có Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 02 phòng (Phòng Hợp tác quốc tế - Quản lý biên giới, Phòng Hành chính - Tổng hợp - Lãnh sự)

12. Thanh tra tỉnh

Tổng biên chế được giao: 155 biên chế; tổng biên chế hiện có 143 công chức. Trong đó:

- Ban Lãnh đạo: Chánh Thanh tra và 03 Phó Chánh Thanh tra.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 09 phòng (Văn phòng, Phòng I, Phòng II, Phòng III, Phòng IV, Phòng V, Phòng VI, Phòng VII, Phòng VIII).

13. Sở Tài chính

13.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế tại cơ quan Sở:

Tổng biên chế được giao: 120 biên chế; tổng biên chế hiện có 116 công chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 07 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 10 phòng (Văn phòng, Phòng Tổng hợp - Quy hoạch, Phòng Ngân sách tỉnh, Phòng Ngân sách xã, phường,

Phòng Đầu tư, Phòng Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp, Phòng Quản lý Giá và Công sản, Phòng Đăng ký kinh doanh, Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Phòng Kinh tế ngành).

13.2. Đơn vị sự nghiệp công lập:

- Trung tâm Dịch vụ công ngành Tài chính và Đầu tư phát triển: Biên chế viên chức được giao: 26; biên chế hiện có: 25 viên chức. Các phòng chuyên môn: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Nghiệp vụ Tài chính, Phòng Xúc tiến Đầu tư và Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4).

14. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Tổng biên chế được giao: 37 biên chế; tổng biên chế hiện có 36 công chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng (Văn phòng, Phòng Chính sách, Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Ban Tôn giáo).

15. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

- Tổng biên chế được giao 34 công chức, hiện có 32 công chức, 03 HĐLĐ.

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 04 phòng (Văn phòng, Phòng Kế hoạch đầu tư, Phòng Xây dựng và Môi trường, Phòng Doanh nghiệp và Lao động).

- Có 01 đơn vị trực thuộc: Ban Quản lý dự án khu vực Khu kinh tế Nghệ An.

II. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Có 28 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, gồm: 02 trường Đại học; 04 Trường cao đẳng nghề; Vườn Quốc gia Pù Mát; Nhà xuất bản; Quỹ phát triển đất; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp; 18 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực. Về mức độ tự chủ tài chính: Có 21 đơn vị nhóm 2, 06 đơn vị nhóm 3, 01 đơn vị nhóm 4. Cụ thể như sau:

1. Trường Đại học Y khoa Vinh

Biên chế được giao (năm 2022 đến nay): 170 biên chế (trong đó 159 biên chế hưởng lương ngân sách, 09 hợp đồng hưởng lương từ nguồn thu và 02 người hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. Số lượng người làm việc hiện nay: 168 người, trong đó bố trí tại các đơn vị thuộc Trường, hưởng lương từ nguồn thu Nhà trường là 159 người (157 biên chế; 02 hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo NĐ 111); bố trí tại Bệnh viện Trường và hưởng lương từ nguồn thu Bệnh viện Trường 09 người. Trong đó:

- Lãnh đạo Trường: Gồm có Chủ tịch Hội đồng trường (chuyên trách); Ban Giám hiệu: 02 người (Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng).

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 15 phòng (Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý sinh viên và Ký túc xá, Phòng Tổ chức - Tổng hợp, Phòng Hành chính - Quản trị vật tư trang thiết bị, Phòng Tài chính - Kế toán, Trung tâm Học liệu - Thư viện, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Y cơ sở, Khoa Y tế công cộng, Khoa Dược, Khoa Điều dưỡng, Khoa Y, Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đối với Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh có mức độ tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Trường Đại học Nghệ An

Tổng số biên chế viên chức được giao: 258 biên chế hưởng lương ngân sách, 43 biên chế hưởng lương từ nguồn thu; tổng số hiện có 253. Trong đó:

- Hội đồng Trường: 01 Chủ tịch Hội đồng.

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng.

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 23 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác Chính trị và Học sinh, Sinh viên, Phòng Quản lý cơ sở vật chất, Khoa Kế toán - Kiểm toán, Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Khoa Nông - Lâm - Ngư, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Tiểu học, Khoa Mầm non, Khoa Giáo dục, Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo, Trung tâm Số và Học liệu, Trung tâm Bồi dưỡng Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thực hành Sư phạm Nghệ An, Trường Mầm non Thực hành sư phạm Nghệ An).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 60% đến dưới 62%).

3. Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc

Tổng số biên chế được giao: 74 biên chế hưởng lương từ ngân sách, 54 biên chế hưởng lương từ nguồn thu. Tổng số hiện có 140 người (76 người hưởng lương từ ngân sách, 54 người hưởng lương từ nguồn thu đơn vị, 05 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, 05 hợp đồng hỗ trợ phục vụ). Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng.

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 18 phòng (Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học và Quan hệ Quốc tế, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Tài vụ, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Công tác học sinh sinh viên, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Khoa Công nghệ Hàn, Khoa Công nghệ Thông tin, Khoa Công nghệ Ô tô, Khoa Điện Công nghiệp, Khoa Điện tử,

Khoa Kỹ thuật Điện lạnh, Khoa Cắt gọt Kim loại, Khoa Cơ bản, Khoa Kinh tế, Trung tâm Ngoại ngữ & Hợp tác đào tạo, Trung tâm tuyển sinh và giới thiệu việc làm, Trung tâm thể thao Việt Hàn).

- Các tổ bộ môn: Toán - Lý; Chính trị - pháp luật; Ngoại ngữ; Cơ sở; Tiếng Hàn (kiêm nhiệm).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

4. Trường Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật

Tổng số biên chế được giao 63 biên chế; tổng số biên chế hiện có 63 viên chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng.

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 09 phòng (Phòng Tổ chức hành chính - Tổng hợp, Phòng Công tác học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Thanh tra, Đảm bảo chất lượng, NCKH và hợp tác quốc tế, Trung tâm Tuyển sinh, Đào tạo và bồi dưỡng năng khiếu Nghệ thuật, Khoa Âm nhạc, Khoa Mỹ thuật, Khoa Nghiệp vụ văn hóa Du lịch, Khoa Lý luận đại cương)

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

5. Trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại

Tổng số biên chế được giao: 101 hưởng lương ngân sách, 11 hưởng lương từ nguồn thu. Tổng số biên chế hiện có 98 viên chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 02 Phó Hiệu trưởng.

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 16 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp, Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Phòng Đào tạo, Phòng QL Học sinh - Sinh viên, Phòng NC Khoa học và Đối ngoại, Phòng Thanh tra KT và KĐCL, Phòng Quản trị, Trung tâm Thư viện - QL Ký túc xá, Trung tâm Thực hành NHKS, Cơ sở Vinh, Khoa Du lịch - NV Khách sạn, Khoa Kỹ thuật chế biến món ăn, Khoa Cơ bản, Khoa Kinh tế - Thương mại, Bộ môn Ngoại Ngữ, Bộ môn Tin).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

6. Trường Cao đẳng nghề Việt Đức

Tổng số biên chế được giao: 68 hưởng lương ngân sách, 19 hưởng lương từ nguồn thu). Tổng số biên chế hiện có 86 viên chức. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng.

- Các phòng, khoa và tương đương (gọi chung là phòng): 10 phòng (Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác Học sinh, sinh viên -Đảm bảo chất lượng, Khoa Điện, Khoa Công nghệ ô tô, Khoa khoa học cơ bản, Khoa Cơ khí, Khoa xây dựng - Tổng hợp, Khoa Đào tạo lái xe).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

7. Nhà Xuất bản

Tổng số biên chế được giao: 05 biên chế hưởng lương ngân sách, 10 biên chế hưởng lương từ nguồn thu. Biên chế hiện có: 11 người (8 hưởng lương từ ngân sách, 03 hưởng lương từ nguồn thu). Trong đó:

- Ban lãnh đạo Nhà xuất bản: Giám đốc kiêm Tổng Biên tập và 01 Phó Giám đốc kiêm Phó Tổng Biên tập.

- Viên chức hoạt động tham mưu trực tiếp lãnh đạo Nhà xuất bản (không có tổ chức cấu thành).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên (từ 10% đến dưới 30%).

8. Quỹ phát triển đất tỉnh Nghệ An

- Tổng số biên chế được giao 10 biên chế; tổng số biên chế hiện có 10 viên chức.

- Viên chức hoạt động tham mưu trực tiếp lãnh đạo Quỹ (không có tổ chức cấu thành).

- Về mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

9. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các Công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh Nghệ An

Tổng số biên chế được giao (không quá): 68 biên chế viên chức, 03 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, 04 hợp đồng hỗ trợ phục vụ; Tổng số biên chế hiện có 59 viên chức, 03 hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ, 04 hợp đồng hỗ trợ phục vụ. Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn: 05 phòng (Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng Kế hoạch, Phòng Quản lý dự án 1, Phòng Quản lý dự án 2, Phòng Quản lý kỹ thuật - Chất lượng công trình)

- Về mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

10. Vườn Quốc gia Pù Mát

Tổng số biên chế được giao: 94 (46 công chức, 48 viên chức); tổng số hiện có 92 người (Công chức là 44 người; Viên chức là 48 người). Trong đó:

- Ban lãnh đạo: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng chuyên môn và tương đương: 03 phòng (Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Hạt Kiểm lâm).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

11. Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực:

- Có 20 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực: Đã có quyết định giải thể 02 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực: Đô Lương và Hưng Nguyên. Còn 18 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực, gồm: Nam Đàn, Thanh Chương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Vinh, Nghi Lộc, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Hoàng Mai, Nghĩa Đàn, Thái Hòa, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

Phần 2:

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ MÁY

I. NGUYÊN TẮC SẮP XẾP

1. Bám sát định hướng sắp xếp theo yêu cầu của Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, các kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo tỉnh và Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về định hướng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy.

2. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, có tính kế thừa và phát huy kết quả triển khai trong thời gian qua, tránh cào bằng, bảo đảm phù hợp với chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ.

3. Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, trực thuộc các sở, ban, ngành không làm ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, đặc biệt là các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, phục vụ nhu cầu của người dân.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 08 phòng chuyên môn thuộc Sở: Văn phòng; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Kế hoạch Tài chính; Phòng Quản lý xây dựng công trình; Phòng Quản lý kỹ thuật và Khoa học công nghệ; Phòng Quản lý đất đai; Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám; Phòng Khoáng sản.

1.2. Các Chi cục trực thuộc Sở:

Giữ nguyên 06 chi cục trực thuộc Sở: Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư; Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Chi cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Chi cục Thủy lợi; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Tổ chức lại cơ cấu bên trong của 02 Chi cục, cụ thể:

1.2.1. Chi cục Bảo vệ môi trường

Thực hiện giải thể các phòng chuyên môn của Chi cục Bảo vệ môi trường, thực hiện mô hình chuyên viên tham mưu trực tiếp cho Lãnh đạo Chi cục.

1.2.2. Chi cục Kiểm lâm

- Giữ nguyên 05 phòng chuyên môn (trong đó, đổi tên 03 phòng).
- Giữ nguyên 17 hạt Kiểm lâm (trong đó, đổi tên 04 Hạt Kiểm lâm).
- Sắp xếp, tổ chức lại các Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng để phù hợp với Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính tỉnh Nghệ An (do không có vị trí việc làm Đội trưởng, và Phó Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng).
- Tiếp nhận 02 Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng gồm: Hạt Kiểm lâm Pù Huống, Hạt Kiểm Lâm Pù Hoạt theo Nghị định số 159/2024 ngày 18/12/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP.
- Giảm 05 Trạm Kiểm lâm, từ 36 Trạm xuống còn 31 Trạm (chiếm 13,89%).

1.3. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập

1.3.1. Đơn vị sự nghiệp phục vụ quản lý nhà nước (01 đơn vị)

Giữ nguyên Trung tâm Khuyến nông để phục vụ quản lý nhà nước theo định hướng tại Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18, ngày 21/9/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18 của Chính phủ.

1.3.2. Nhóm đơn vị sự nghiệp khác

- a) Hợp nhất, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập:
- Chuyển Ban Quản lý dự án và Đầu tư các công trình NN&PTNT trực thuộc UBND tỉnh quản lý.
 - Sáp nhập Trung tâm Giống Thủy sản vào Trung tâm Khuyến nông.
 - Sáp nhập Ban Quản lý rừng phòng hộ Con Công vào Vườn Quốc gia Pù Mát.
 - Hợp nhất Ban Quản lý rừng phòng hộ Anh Sơn và Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Kỳ thành Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Nam.
 - Hợp nhất Ban Quản lý rừng đặc dụng Nam Đàn và Ban Quản lý rừng phòng hộ Nghi Lộc thành Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Nghệ An.
 - Giải thể Tổng đội thanh niên xung phong - Xây dựng kinh tế Quỳnh Lưu.
- b) Giữ nguyên 07 đơn vị sự nghiệp công lập đã tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 1 và nhóm 2):
- 01 đơn vị (Quỹ Bảo vệ môi trường) tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1).

- 06 đơn vị, gồm: Văn phòng Đăng ký đất đai; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường) tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2).

c) Chuyển 02 đơn vị sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2) từ năm 2026: Gồm các đơn vị: Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tương Dương; Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt.

d) Giai đoạn 2026 - 2030: Nâng mức tự chủ của 12 đơn vị sự nghiệp công lập phù hợp với quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ, gồm:

Đoàn điều tra quy hoạch Lâm nghiệp; Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Giống nông nghiệp; Đoàn Quy hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi; Ban Quản lý Cảng Cá; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Kỳ Sơn; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Nghệ An; Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Thanh Chương; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Quỳnh Châu; Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Nam; Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Nghệ An.

đ) Từ năm 2031, chuyển 12 đơn vị sang hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2), gồm:

Đoàn điều tra quy hoạch Lâm nghiệp; Trung tâm Nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; Trung tâm Giống nông nghiệp; Đoàn Quy hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi; Ban Quản lý Cảng Cá; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Kỳ Sơn; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Nghệ An; Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Huống; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Thanh Chương; Ban Quản lý Rừng phòng hộ Quỳnh Châu; Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Nam; Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Nghệ An.

2. Sở Nội vụ

2.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 09 phòng chuyên môn và tương đương: Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức Phi Chính phủ; Phòng Công chức viên chức; Phòng Cải cách hành chính và Văn thư lưu trữ; Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên; Phòng Thi đua khen thưởng; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Người có công; Phòng Lao động - Việc làm - An toàn lao động; Văn phòng Sở.

2.2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

2.2.1. Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An:

- Giữ nguyên tổ chức, bộ máy Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An.
- Về cơ chế tài chính: Hướng tới tự chủ một phần phù hợp với quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ).

2.2.2. Trung tâm Dịch vụ việc làm Nghệ An:

- Giữ nguyên tổ chức, bộ máy Trung tâm Dịch vụ việc làm Nghệ An.

- Về cơ chế tài chính: Nâng mức độ tự chủ tài chính phù hợp với quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ).

2.2.3. Giữ nguyên tổ chức bộ máy và mức độ tự chủ tài chính (nhóm 4) đối với 03 đơn vị, gồm: (1) Trung tâm Điều dưỡng người có công với cách mạng; (2) Trung tâm điều dưỡng thương binh; (3) Ban Quản lý nghĩa trang liệt sĩ Việt - Lào.

3. Sở Xây dựng

3.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở

Giữ nguyên 09 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng; Phòng Quản lý Vận tải; Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng; Phòng Kinh tế, Kế hoạch; Phòng Quản lý Chất lượng; Phòng Thẩm định dự án; Phòng Quy hoạch Kiến trúc và Phát triển đô thị; Phòng Quản lý Nhà và Thị trường bất động sản; Phòng Khoa học công nghệ và Vật liệu xây dựng.

3.2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

3.2.1. Ban Quản lý dự án công trình giao thông Nghệ An:

Thành lập Ban Quản lý dự án công trình giao thông thuộc UBND tỉnh trên cơ sở chuyển giao Ban Quản lý dự án công trình giao thông thuộc Sở Xây dựng.

3.2.2. Ban Quản lý Bảo trì đường bộ Nghệ An:

- Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại (04 phòng).

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

3.2.3. Viện Quy hoạch kiến trúc xây dựng Nghệ An:

- Sáp nhập Phòng Tài chính - Kế toán vào Phòng Kế hoạch - Tổ chức - Hành chính đổi tên thành Phòng Tổng hợp.

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (thuộc nhóm 3, mức tự bảo đảm từ 70% đến dưới 100%).

3.2.4. Trung tâm Kiểm định xây dựng Nghệ An:

- Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại (không có tổ chức cấu thành đơn vị).

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

3.2.5. Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Nghệ An:

- Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại (03 phòng).

- Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

3.2.6. Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Nghệ An:

- Thực hiện cổ phần hóa theo lộ trình quy định.

- Mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030: Hoạt động theo quy định của pháp luật về Công ty cổ phần.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

4.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 05 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng; Phòng Quản lý Khoa học; Phòng Quản lý Công nghệ; Phòng Chuyển đổi số; Phòng Quản lý Đo lường Chất lượng.

4.2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở:

4.2.1. Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ:

Giai đoạn 2026 - 2030: Nghiên cứu, xây dựng phương án để tiến hành cổ phần hoá theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg và Quyết định 17/2024/QĐ-TTg.

4.2.2. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng:

Giai đoạn 2026 - 2030: Nghiên cứu, xây dựng phương án để tiến tới thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (nhóm 3 lên nhóm 2).

4.2.3. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn và Trung tâm Khoa học Công nghệ và Truyền thông:

Giai đoạn 2026 - 2030: Nghiên cứu, tham mưu phương án sắp xếp, tổ chức lại Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn và Trung tâm Khoa học công nghệ và Truyền thông trên cơ sở các định hướng của cấp có thẩm quyền; đồng thời đảm bảo chỉ duy trì 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở thực hiện chức năng phục vụ quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên đúng theo tinh thần chỉ đạo tại Kế hoạch số 130/KHBCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

5.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 08 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng, Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình; Phòng Quản lý Di sản Văn hóa; Phòng Quản lý Thể dục thể thao, Phòng Quản lý Du lịch; Phòng Quản lý và Phát triển tài nguyên Du lịch; Phòng Thông tin, Báo chí, Xuất bản.

5.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

- Năm 2026: Hợp nhất Trung tâm Văn hóa tỉnh và Ban quản lý Quảng trường Hồ Chí Minh và Tượng đài Bác Hồ thành 01 đơn vị mới.

- Từ năm 2027 đến năm 2031: Nghiên cứu, thực hiện sắp xếp, hợp nhất các đơn vị trong toàn ngành còn 05 đơn vị (giảm 03 đơn vị). Cụ thể:

+ Giữ nguyên Khu Di tích Kim Liên.

+ Giữ nguyên Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh.

+ Hợp nhất Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao với Trường Phổ thông Năng khiếu thể dục thể thao thành 01 đơn vị mới.

+ Hợp nhất Bảo tàng Nghệ An - Xô Viết Nghệ Tĩnh và Trung tâm Bảo tồn Di sản và Phát triển Du lịch thành 01 đơn vị mới.

+ Hợp nhất Thư viện tỉnh và Trung tâm Văn hóa tỉnh thành 01 đơn vị mới.

- Giai đoạn từ năm 2032 đến năm 2035: Nghiên cứu, thực hiện sắp xếp các đơn vị trực thuộc Sở đảm bảo theo đúng Kế hoạch số 130/KH-BCDDTKNQ18 ngày 21/9/2025 của Ban chỉ đạo Chính phủ, cụ thể:

+ Chuyển Trung tâm Nghệ thuật truyền thống tỉnh thành đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

+ Thực hiện hợp nhất 04 đơn vị còn lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng phục vụ, quản lý nhà nước.

6. Sở Công Thương

6.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở

Giữ nguyên 06 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng Sở; Phòng Kế hoạch - Tài chính - Tổng hợp; Phòng Quản lý Công nghiệp; Phòng Quản lý Thương mại; Phòng Quản lý Năng lượng; Phòng Kỹ thuật An toàn - Môi trường.

6.2. Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An

Giữ nguyên tổ chức bộ máy của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An (theo Quyết định số 3681/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh).

6.3. Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn phát triển công thương:

- Tăng 01 Phòng chuyên môn nghiệp vụ (do tiếp nhận bộ phận Xúc tiến thương mại từ Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh).

- Mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030: Đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4).

7. Sở Y tế

7.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 10 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Quản lý hành nghề; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiệp vụ y; Phòng Nghiệp vụ Dược; Phòng Dân số; Phòng An toàn thực phẩm; Phòng Bảo trợ xã hội và trẻ em; Phòng Phòng chống tệ nạn xã hội.

7.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

7.2.1. Các đơn vị y tế cấp tỉnh:

- Giữ nguyên hệ thống 20 đơn vị sự nghiệp y tế cấp tỉnh như sau:

+ 05 trung tâm trong lĩnh vực chuyên ngành: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm Giám định y khoa; Trung tâm Pháp y; Trung tâm Huyết học - Truyền máu.

+ 12 bệnh viện trong lĩnh vực khám, chữa bệnh: Bệnh viện Hữu nghị đa khoa; Bệnh viện Sản Nhi; Bệnh viện Ung bướu; Bệnh viện Y học cổ truyền; Bệnh viện Phổi; Bệnh viện Tâm thần; Bệnh viện Phục hồi chức năng; Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình; Bệnh viện Mắt; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc; Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam.

+ 03 đơn vị trong lĩnh vực bảo trợ xã hội; trẻ em: Trung tâm Bảo trợ xã hội; Trung tâm Công tác xã hội; Quỹ bảo trợ trẻ em.

- Đối với Bệnh viện da liễu: Sáp nhập Bệnh viện Da liễu Nghệ An vào Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An, chuyển nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An (sau khi sáp nhập Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An sẽ thành lập viện/trung tâm Da liễu - Thẩm mỹ thuộc Bệnh viện), chuyển nhiệm vụ phòng chống phong cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Nghệ An.

7.2.2. Các đơn vị y tế cấp huyện (cũ):

- Bệnh viện Đa khoa: Duy trì, giữ nguyên hệ thống 07 Bệnh viện Đa khoa tổ chức cung ứng dịch vụ theo khu vực liên xã, phường, không làm ảnh hưởng đến nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân, gồm: Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh; Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc; Bệnh viện Đa khoa Diễn Châu; Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu; Bệnh viện Đa khoa Yên Thành; Bệnh viện Đa khoa Thanh Chương, Bệnh viện Đa khoa Đô Lương.

- Trung tâm Y tế: Đề nghị nghiên cứu phương án sắp xếp lại các Trung tâm Y tế theo hướng tinh gọn, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ với các Trạm y tế cấp xã theo Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trạm Y tế xã, phường, đặc khu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo Báo cáo thẩm định số 30 - BC/BTCTU ngày 26/01/2026 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

7.2.3. Trạm Y tế, Phòng khám đa khoa khu vực:

- Trạm Y tế: Sắp xếp 457 Trạm Y tế cấp xã hiện nay thành 130 Trạm Y tế cấp xã theo đơn vị hành chính xã, phường mới và các điểm trạm tại các Trạm Y tế cấp xã cũ... Khi Trạm Y tế cấp xã thành đơn vị sự nghiệp công lập sẽ tiến hành chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, lộ trình chuyển giao trước 31/12/2030 theo quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BYT.

(Có Phụ lục số 5 kèm theo).

- Phòng khám đa khoa khu vực: Giải thể Phòng khám đa khoa khu vực Năm Nam (thuộc Trung tâm Y tế Nam Đàn), Phòng khám đa khoa khu vực Yên Hoà (thuộc Trung tâm Y tế Tương Dương) do hoạt động không hiệu quả.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

8.1. Các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở:

Giữ nguyên 08 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng và Truyền thông; Phòng Tổ chức Cán bộ; Phòng Tài chính và Đầu tư giáo dục; Phòng Giáo

dục Mầm non; Phòng Giáo dục Tiểu học; Phòng Giáo dục Trung học; Phòng Quản lý chất lượng; Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

8.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

8.2.1. Các Trường Trung cấp nghề và các Trung tâm GDNN-GDTX:

- Sáp nhập 10 trường Trung cấp nghề và 18 Trung tâm GDNN-GDTX thành 16 Trường Trung học nghề.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

8.2.2. Trung tâm GDTX số 2:

- Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

8.2.3. Trung tâm GDTX - Hướng nghiệp:

- Sắp xếp, tổ chức lại từ 7 tổ xuống còn 5 tổ (giảm 2 tổ).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

8.3. Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT công lập, Phổ thông dân tộc nội trú THCS:

Sở Giáo dục và Đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ và UBND các xã, phường khẩn trương xây dựng Đề án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập cấp xã (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường liên cấp) theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ; Kết 221 -KL/TW ngày 28/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

8.4. Các Trường Cao đẳng:

Hợp nhất 02 trường Cao đẳng: Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Cao đẳng Du lịch Thương mại thành Trường Cao đẳng Văn hóa và Du lịch.

9. Văn phòng UBND tỉnh

9.1. Các phòng chuyên môn, Ban và Trung tâm thuộc Văn phòng UBND tỉnh:

- Giữ nguyên 07 phòng chuyên môn: Tổng hợp; Kinh tế; Khoa giáo - Văn xã; Nội chính; Công nghiệp; Nông nghiệp; Hành chính - Quản Trị.

- Giữ nguyên Ban Tiếp công dân tỉnh Nghệ An và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An.

9.2. Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy Cổng Thông tin điện tử là đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

9.3. Nhà khách Nghệ An: Theo lộ trình thực hiện chuyển đổi Nhà khách Nghệ An thành công ty Cổ phần trong giai đoạn 2026 - 2031.

10. Sở Tư pháp

10.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở:

Giữ nguyên 05 phòng chuyên môn và tương đương: Văn phòng; Phòng Văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính; Phòng Phổ biến, giáo dục và theo dõi thi hành pháp luật; Phòng Hỗ trợ tư pháp; Phòng Hành chính tư pháp.

10.2. Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở:

10.2.1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước:

- Sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn và chi nhánh còn 01 phòng và 01 chi nhánh, gồm: Văn phòng Trung tâm; Chi nhánh trợ giúp pháp lý.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

10.2.2. Phòng Công chứng số 1:

- Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy: Giữ nguyên như hiện tại; từ năm 2028 -2030: Chuyển đổi sang Văn phòng Công chứng.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

10.2.3. Phòng Công chứng số 2:

- Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy: Giữ nguyên như hiện tại; từ năm 2028 -2030: Chuyển đổi sang Văn phòng Công chứng.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

10.2.3. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản:

- Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy: Giữ nguyên như hiện tại.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

11. Sở Ngoại vụ

Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại.

12. Thanh tra tỉnh

Giữ nguyên cơ cấu tổ chức bộ máy như hiện tại.

13. Sở Tài chính

13.1. Các phòng chuyên môn thuộc Sở

Giữ nguyên cơ cấu tổ chức như hiện tại, gồm 10 phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương: Văn phòng Sở; Phòng Tổng hợp - Quy hoạch; Phòng Ngân sách tỉnh; Phòng Ngân sách xã, phường; Phòng Đầu tư; Phòng Tài chính và Phát triển Doanh nghiệp; Phòng Quản lý Giá và Công sản; Phòng Đăng ký kinh doanh; Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp; Phòng Kinh tế ngành.

13.2. Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở

Trung tâm Dịch vụ công ngành Tài chính và Đầu tư phát triển: Sắp xếp giảm đầu mỗi từ 04 bộ phận xuống còn 03 bộ phận, điều chuyển bố trí viên chức phù hợp với vị trí việc làm và chức năng nhiệm vụ được giao.

14. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Giữ nguyên cơ cấu tổ chức như hiện tại, gồm 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương: Văn phòng Sở; Phòng Chính sách; Phòng Kế hoạch - Tổng hợp; Ban Tôn giáo.

15. Ban Quản lý khu kinh tế Đông Nam

- Giữ nguyên cơ cấu tổ chức như hiện tại, gồm 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ: Văn phòng; Phòng Kế hoạch đầu tư; Phòng Xây dựng và Môi trường; Phòng Doanh nghiệp và Lao động.

- Giữ nguyên 01 đơn vị sự nghiệp: Ban Quản lý dự án khu vực Khu kinh tế Nghệ An. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1).

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH

1. Trường Đại học Y khoa Vinh

- Đối với Lãnh đạo Trường: Giải thể Hội đồng trường

- Đối với các tổ chức cấu thành: Giữ nguyên tổ chức bộ máy như hiện tại (07 phòng, 01 trung tâm, 06 khoa và Bệnh viện Đại học Y khoa Vinh) nhưng bố trí lại số lượng viên chức tại các phòng, khoa, đơn vị đảm bảo theo đúng quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (mỗi phòng bố trí tối thiểu 07 viên chức).

- Về mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (đối với Bệnh viện Trường Đại học Y khoa Vinh mức độ tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư).

2. Trường Đại học Nghệ An

- Đối với Lãnh đạo Trường: Giải thể Hội đồng trường.

- Đối với các tổ chức cấu thành: Thực hiện sắp xếp, tinh gọn theo quy định về tiêu chí thành lập phòng được quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (mỗi phòng bố trí tối thiểu 07 viên chức).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (từ 30% đến dưới 70%).

3. Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc

- Sáp nhập Phòng Tài vụ và phòng Kế hoạch - Vật tư thành Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Sáp nhập phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học và Quan hệ Quốc tế và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thành phòng Đào tạo, Khảo thí và Quan hệ quốc tế;

- Giải thể Trung tâm thể thao Việt Hàn và khoa Kinh tế;

- Nâng cấp Trung tâm Ngoại ngữ & Hợp tác đào tạo thành khoa Ngoại ngữ và Hợp tác đào tạo;

- Giải thể các tổ bộ môn: Chính trị - pháp luật; Ngoại ngữ;

- Giữ nguyên các phòng, khoa, trung tâm: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng công tác chính trị HSSV; Trung tâm tuyển sinh và Hợp tác doanh nghiệp; Khoa Ngoại ngữ và hợp tác đào tạo; Khoa Cắt gọt Kim loại; Khoa Công nghệ Hàn; Khoa Công nghệ Ô tô; Khoa Điện Công nghiệp; Khoa Điện tử; Khoa Công nghệ thông tin; Khoa Điện lạnh; Khoa Cơ bản.

- Về Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (giai đoạn 2026-2030 bảo đảm từ 30% đến dưới 70%).

4. Trường Cao đẳng nghề Việt Đức

- Đối với Lãnh đạo Trường: Giải thể Hội đồng trường

- Đối với tổ chức cấu thành: Giữ nguyên tổ chức bộ máy như hiện tại (04 phòng, 06 khoa).

- Về Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (giai đoạn 2026-2030 bảo đảm từ 30% đến dưới 70%).

5. Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật, Trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại

Thực hiện theo phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo: Hợp nhất 02 trường Cao đẳng: Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật và Cao đẳng Du lịch Thương mại thành Trường Cao đẳng Văn hóa và Du lịch.

6. Nhà Xuất bản Nghệ An

- Giữ nguyên tổ chức bộ máy như hiện tại.

- Về Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên (với mức tự chủ theo dự kiến giai đoạn 2026 - 2030 là 30 - 70%); đơn vị tiếp tục thực hiện tiết kiệm để tăng lên mức 70 - 100%.

7. Quỹ phát triển đất tỉnh

- Giữ nguyên tổ chức bộ máy như hiện tại.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

8. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh

Giữ nguyên Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các Công trình xây dựng dân dụng và Công nghiệp tỉnh; bổ sung nhiệm vụ làm Chủ đầu tư cho Ban đối

với những dự án mang tính liên vùng, các dự án sử dụng ngân sách cấp Trung ương, cấp tỉnh; đồng thời bổ sung thêm một số văn phòng quản lý dự án (QLDA) thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh để QLDA tại các khu vực. Cụ thể, cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban là:

- Khối các phòng chức năng, nghiệp vụ, đặt tại trụ sở chính, gồm 05 phòng: (1) Phòng Hành chính tổng hợp, (2) Phòng Kế hoạch, (3) Phòng Quản lý kỹ thuật - Chất lượng công trình, (4) Phòng Quản lý dự án 1, (5) Phòng Quản lý dự án 2.

- Khối các Văn phòng Quản lý dự án đặt tại các khu vực, gồm: (1) Khu vực Hoàng Mai, (2) Khu vực Thái Hoà, (3) Khu vực Anh Sơn, (4) Khu vực Kỳ Sơn, (5) Khu vực Quế Phong.

(Nhiệm vụ quản lý dự án các công trình do UBND các xã, phường làm chủ đầu tư được giao cho Ban QLDA các xã, phường; những xã, phường không có Ban Quản lý dự án, công tác QLDA có thể đề nghị các văn phòng QLDA thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh đặt tại các khu vực nói trên thực hiện).

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 2).

9. Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực

Giải thể 18 Ban quản lý dự án khu vực sau khi hoàn thành xong nhiệm vụ theo quy định tại các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và các nhiệm vụ khác có liên quan (nếu có).

10. Vườn Quốc gia Pù mát

- Giữ nguyên tổ chức bộ máy như hiện tại, gồm: 02 phòng (Phòng Hành chính Tổng hợp và Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế), 11 trạm QLVR.

- Đề xuất đổi tên Hạt Kiểm lâm Pù Mát thành Phòng QLVR chuyên trách trực thuộc VQG Pù Mát.

- Mức độ tự chủ tài chính: Nâng mức độ tự chủ tài chính từ đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (nhóm 4) lên đơn vị tự chủ một phần chi thường xuyên: Năm 2026 - 2027 tự chủ 22%; đến 2030 tự chủ lên 77%.

11. Phương án sắp xếp, tổ chức lại Ban quản lý dự án thuộc UBND tỉnh

(1) Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND tỉnh trên cơ sở chuyển giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Về tổ chức bộ máy:

+ Ban Giám đốc, có: Giám đốc và các Phó Giám đốc; Giám đốc và Phó Giám đốc được bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm theo chủ trương, quy định về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với các tổ chức cấu thành: Trước mắt giữ nguyên các phòng chuyên môn và tương đương hiện có.

- Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Trước mắt, thực hiện theo quy định như hiện tại; đồng thời xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Về trụ sở, cơ sở vật chất: Sử dụng trụ sở, cơ sở vật chất hiện có.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2).

(2) Thành lập Ban Quản lý dự án công trình giao thông thuộc UBND tỉnh trên cơ sở chuyển giao Ban Quản lý dự án công trình giao thông thuộc Sở Xây dựng.

- Về tổ chức bộ máy:

+ Ban Giám đốc, có: Giám đốc và các Phó Giám đốc; Giám đốc và Phó Giám đốc được bổ nhiệm, điều động bổ nhiệm theo chủ trương, quy định về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền.

+ Đối với các tổ chức cấu thành: Trước mắt giữ nguyên các phòng chuyên môn và tương đương hiện có.

- Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Trước mắt, thực hiện theo quy định như hiện tại; đồng thời xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Về trụ sở, cơ sở vật chất: Sử dụng trụ sở, cơ sở vật chất hiện có.

- Mức độ tự chủ tài chính: Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Phương án tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền tỉnh Nghệ An theo các quy định của Trung ương và của Tỉnh, bảo đảm kịp thời, góp phần nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp.

Các sở, ban, ngành thực hiện rà soát, sắp xếp, bố trí công chức tại các phòng chuyên môn bảo đảm đúng số lượng theo quy định (tối thiểu 07 công chức/phòng) tại Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; trường hợp không đủ số lượng biên chế để sắp xếp, bố trí theo quy định thì tổ chức lại các phòng chuyên môn theo hướng tinh gọn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng phối hợp với Sở Nội vụ khẩn trương xây dựng Phương án chuyển giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây

dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Quản lý dự án công trình giao thông thuộc UBND tỉnh.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật, Trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại xây dựng Đề án hợp nhất 02 đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Phương án tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy khối chính quyền tỉnh Nghệ An; báo cáo UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận: ✓

- Bộ Nội vụ (để B/c);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các ĐVSN công lập thuộc UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (K).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An

Phụ lục 1

**THỰC TRẠNG CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ
NHÂN LỰC CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC SỞ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Phương án số 4.02/PA-UBND ngày 10./02/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên tổ chức	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025	Trong đó				Tổng số khoa, phòng, trung tâm	Mức độ tự chủ tài chính
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐLĐ		
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	270	225	1	3	217	4	16	III
2	Trung tâm Giám định y khoa	27	15	1	2	12		2	III
3	Trung tâm pháp y	12	12	1		9	2	2	III
4	Trung tâm Huyết học truyền máu	149	108	1	2	99	6	11	III
5	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - MP - TP	44	40	1	1	37	1	6	III
6	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	2583	1697	1	4	1483	209	56	I
7	Bệnh viện Sản - Nhi	1860	1304	1	3	1245	55	42	II
8	Bệnh viện Ung bướu	1417	1364	1	2	1244	117	41	II
9	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	312	219	1	3	194	21	17	II
10	Bệnh viện Mắt	144	99	1	2	96	0	11	II
11	Bệnh viện Y học cổ truyền	1168	740	1	3	524	112	23	II
12	Bệnh viện Tâm thần	255	221	1	2	207	11	17	III
13	Bệnh viện Nội tiết	381	258	1	1	237	19	19	II
14	Bệnh viện Phổi	605	432	1	3	380	48	22	II

TT	Tên tổ chức	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025	Trong đó				Tổng số khoa, phòng, trung tâm	Mức độ tự chủ tài chính
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐLĐ		
15	Bệnh viện Phục hồi chức năng	360	226	1	3	202	20	16	II
16	Bệnh viện Da liễu	52	33	0	1	32	0	6	II
17	Bệnh viện ĐKKV Tây Bắc	701	532	1	3	469	59	28	II
18	Bệnh viện ĐKKV Tây Nam	354	270	1	3	245	21	19	II
19	Trung tâm Công tác xã hội	24	24	1		21	2	3	IV
20	Trung tâm Bảo trợ xã hội	35	33	1	1	25	6	3	IV
21	Quỹ Bảo trợ trẻ em	19	18	1	1	16		3	IV
22	Bệnh viện Đa khoa thành phố Vinh	1019	1019	1	4	880	134	50	II
23	Bệnh viện đa khoa Diễn Châu	402	318	1	2	288	27	17	II
24	Bệnh viện Đa khoa Nghi Lộc	430	236	1	2	204	29	24	II
25	Bệnh viện Đa khoa Quỳnh Lưu	436	340	1	2	326	21	19	II
26	Bệnh viện Đa khoa Yên Thành	448	276	1	2	264	9	17	II
27	Bệnh viện Đa khoa Đô Lương	315	247	1	2	223	21	17	II
28	Bệnh viện Đa khoa Thanh Chương	447	346	1	2	304	39	21	II

TT	Tên tổ chức	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025	Trong đó				Tổng số khoa, phòng, trung tâm	Mức độ tự chủ tài chính
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐLĐ		
29	Trung tâm Y tế thành phố Vinh	72	71	1	2	67	1	6	IV
30	Trung tâm Y tế Đô Lương	41	41	1	1	39		6	IV
31	Trung tâm Y tế Diễn Châu	41	38	1	1	36		6	III
32	Trung tâm Y tế Quỳnh Lưu	42	36	1	2	32	1	6	IV
33	Trung tâm Y tế Yên Thành	42	40	1	2	37		7	IV
34	Trung tâm Y tế Nghi Lộc	35	29	1	1	27		6	IV
35	Trung tâm Y tế Con Cuông	36	33		1	32		6	IV
36	Trung tâm Y tế Thanh Chương	56	56	1	2	52	1	6	IV
37	Trung tâm Y tế Thái Hòa	35	32	1	1	29	1	5	IV
38	Trung tâm Y tế Nam Đàn	213	170	1	1	156	12	17	III
39	Trung tâm Y tế Hưng Nguyên	148	137	1	2	122	12	12	III
40	Trung tâm Y tế Hoàng Mai	125	110	1	2	94	13	14	III
41	Trung tâm Y tế Anh Sơn	233	184	1	2	178	3	17	III
42	Trung tâm Y tế Quỳnh Hợp	177	148	1	1	130	16	16	III
43	Trung tâm Y tế Nghĩa Đàn	189	139	1	2	126	10	15	III
44	Trung tâm Y tế Tân Kỳ	223	190	1	2	169	18	17	III
45	Trung tâm Y tế Kỳ Sơn	179	170	1	2	156	11	18	III

TT	Tên tổ chức	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025	Trong đó				Tổng số khoa, phòng, trung tâm	Mức độ tự chủ tài chính
				Cấp trưởng	Cấp phó	Viên chức	HĐLĐ		
46	Trung tâm Y tế Tương Dương	192	192	1	2	179	10	18	III
47	Trung tâm Y tế Quế Phong	174	172	1	2	157	12	16	III
48	Trung tâm Y tế Quỳnh Châu	163	147	1	2	139	5	15	III
	Tổng	16685	12787	46	92	11440	1119	757	

Phụ lục 2**THỰC TRẠNG NHÂN LỰC TRẠM Y TẾ CẤP XÃ TRƯỚC SẮP XẾP***(Ban hành kèm theo Phương án số 102/PA-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh)*

TT	Tên tổ chức	Tổng số trạm y tế	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025
1	Khu vực thành phố Vinh (cũ)	33	185	183
2	Khu vực huyện Hưng Nguyên (cũ)	18	117	112
3	Khu vực huyện Nam Đàn (cũ)	19	121	116
4	Khu vực huyện Thanh Chương (cũ)	38	255	249
5	Khu vực huyện Đô Lương (cũ)	33	169	166
6	Khu vực huyện Anh Sơn (cũ)	21	129	128
7	Khu vực huyện Con Cuông (cũ)	13	80	77
8	Khu vực huyện Tương Dương (cũ)	17	109	94
9	Khu vực huyện Kỳ Sơn (cũ)	21	132	131
10	Khu vực huyện Quế Phong (cũ)	13	90	88
11	Khu vực huyện Quỳnh Châu (cũ)	12	72	68
12	Khu vực huyện Quỳnh Hợp (cũ)	21	122	113
13	Khu vực huyện Nghĩa Đàn (cũ)	23	135	129
14	Khu vực thị xã Thái Hòa (cũ)	9	58	53
15	Khu vực huyện Tân Kỳ (cũ)	22	136	129
16	Khu vực thị xã Hoàng Mai (cũ)	10	59	57
17	Khu vực huyện Quỳnh Lưu (cũ)	33	182	179
18	Khu vực huyện Yên Thành (cũ)	39	224	221
19	Khu vực huyện Diễn Châu (cũ)	37	202	199
20	Khu vực huyện Nghi Lộc (cũ)	25	140	131

TT	Tên tổ chức	Tổng số trạm y tế	Tổng số người làm việc giao năm 2025	Tổng số người làm việc có đến 01/10/2025
	Tổng	457	2.717	2.623

Phụ lục 03

**TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ MỨC ĐỘ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
CÔNG LẬP TRỰC THUỘC SỞ Y TẾ SAU SẮP XẾP**
(Ban hành kèm theo Phương án số 40.2/PA-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên tổ chức	Số khoa, phòng, TT	Dự kiến mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	16	III
2	Trung tâm Giám định y khoa	2	III
3	Trung tâm Pháp y	2	III
4	Trung tâm Huyết học truyền máu	11	III
5	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	6	III
6	Bệnh viện Hữu nghị đa khoa Nghệ An	51	I
7	Bệnh viện Sản - Nhi	42	II
8	Bệnh viện Ung bướu	41	II
9	Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình	16	II
10	Bệnh viện Mắt	11	II
11	Bệnh viện Y học cổ truyền	22	II
12	Bệnh viện Tâm thần	17	III
13	Bệnh viện Nội tiết	19	II
14	Bệnh viện Phổi	22	II
15	Bệnh viện Phục hồi chức năng	14	II

STT	Tên tổ chức	Số khoa, phòng, TT	Dự kiến mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030
16	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc	28	II
17	Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nam	19	II
18	Trung tâm công tác xã hội	3	IV
19	Trung tâm bảo trợ xã hội	3	IV
20	Quỹ bảo trợ trẻ em	3	IV
21	Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	50	II
22	Bệnh viện đa khoa huyện Diễn Châu	17	II
23	Bệnh viện đa khoa huyện Nghi Lộc	24	II
24	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	19	II
25	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Thành	17	II
26	Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương	17	II
27	Bệnh viện đa khoa Thanh Chương	21	II
28	TTYT TP Vinh	6	IV
29	TTYT Đô Lương	6	IV
30	TTYT Diễn Châu	6	IV
31	TTYT Quỳnh Lưu	6	IV
32	TTYT Yên Thành	7	IV
33	TTYT Nghi Lộc	6	IV
34	TTYT Con Cuông	6	IV
35	TTYT Thanh Chương	6	IV
36	TTYT Thái Hòa	5	IV

STT	Tên tổ chức	Số khoa, phòng, TT	Dự kiến mức độ tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030
37	TTYT Nam Đàn	17	III
38	TTYT Hưng Nguyên	12	III
39	TTYT Hoàng Mai	14	III
40	TTYT Anh Sơn	17	III
41	TTYT Quỳnh Hợp	16	III
42	TTYT Nghĩa Đàn	15	III
43	TTYT Tân Kỳ	17	III
44	TTYT Kỳ Sơn	18	III
45	TTYT Tương Dương	18	III
46	TTYT Quế Phong	16	III
47	TTYT Quỳnh Châu	15	III
	Tổng	751	

Phụ lục 4

THỰC TRẠNG NHÂN LỰC CÁC TRUNG TÂM GDNN-GDTX

(Ban hành kèm theo Phương án số 102/PA-UBND ngày 10/02/2026 của UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Số được giao		Biên chế hiện có (NS cấp KP)					
		Tổng số (theo QĐ UBND tỉnh)	Trong đó NS cấp kinh phí	Tổng số	Trong đó				
					CBQL GDTX	CBQL GDNN	Nhân viên	GV GDTX	GV GDNN
1	Trung tâm GDNN-GDTX TP Vinh	10	10	10	2	0	2	6	0
2	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hưng Nguyên	15	15	15	2	0	2	9	4
3	Trung tâm giáo dục GDNN-GDTX huyện Nam đàn	17	17	15	1	1	2	6	5
4	Trung tâm GDNN-GDTX Nghi Lộc	12	12	11	2	0	2	7	0
5	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Diễn Châu	19	19	19	2	1	2	10	4
6	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quỳnh Lưu	8	8	8	2	0	1	5	0
7	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Thành	9	9	9	2	0	2	5	0
8	Trung tâm GDNN-GDTX Đô Lương	10	10	10	2	1	1	6	0
9	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Kỳ	14	14	14	1	1	1	10	1
10	Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Chương	15	15	13	2	0	1	5	5
11	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Anh Sơn	20	20	20	2	1	3	9	5
12	Trung tâm GDNN-GDTX Thái Hòa	10	10	10	2	1	1	6	0
13	Trung tâm GDNN-GDTX Nghĩa Đàn	15	15	14	2	1	4	6	1
14	Trung tâm GDNN-GDTX Quỳnh Hợp	14	14	14	2	1	0	7	4
15	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quỳnh châu	15	15	13	1	1	2	5	4

16	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Quế Phong	10	10	9	2	0	2	5	0
17	Trung tâm GDNN-GDTX Con Cuông	8	8	4	2	0	0	2	0
18	Trung tâm GDNN-GDTX Tương Dương	16	16	15	1	0	3	8	4
19	Trung tâm GDNN-GDTX Kỳ Sơn	14	14	13	2	1	2	7	1
20	Trung tâm GDTX -HN Nghệ An	56	56	56	5	0	14	37	0
21	Trung tâm GDTX số 2	15	15	15	2	0	3	10	0
	Cộng	322	322	307	41	10	50	171	38

Phụ lục số 05
LỘ TRÌNH XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ CẤP XÃ THÀNH
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CHUYỂN GIAO VỀ CHO
UBND CẤP XÃ QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Phương án số/PA-UBND ngày..../02/2026
của UBND tỉnh)

1. Giai đoạn 2026-2028

Xây dựng 45 Trạm Y tế cấp xã (hiện đáp ứng tối thiểu 60% nhân theo quy định tại Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 của Bộ Y tế) thành đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển giao về cho UBND cấp xã quản lý, cụ thể:

STT	Tên Trạm Y tế cấp xã
1	Trạm Y tế phường Trường Vinh
2	Trạm Y tế phường Thành Vinh
3	Trạm Y tế phường Vĩnh Lộc
4	Trạm Y tế phường Cửa Lò
5	Trạm Y tế xã Hưng Nguyên
6	Trạm Y tế xã Hưng Nguyên Nam
7	Trạm Y tế xã Lam Thành
8	Trạm Y tế xã Nam Đàn
9	Trạm Y tế xã Vạn An
10	Trạm Y tế xã Kim Liên
11	Trạm Y tế xã Thiên Nhẫn
12	Trạm Y tế xã Cát Ngạn
13	Trạm Y tế xã Hoa Quân
14	Trạm Y tế xã Kim Bảng
15	Trạm Y tế xã Đại Đồng
16	Trạm Y tế xã Bích Hào
17	Trạm Y tế xã Xuân Lâm
18	Trạm Y tế xã Đô Lương
19	Trạm Y tế xã Bạch Ngọc
20	Trạm Y tế xã Văn Hiến
21	Trạm Y tế xã Thuần Trung
22	Trạm Y tế xã Anh Sơn
23	Trạm Y tế xã Yên Xuân
24	Trạm Y tế xã Nhân Hòa
25	Trạm Y tế xã Quế Phong
26	Trạm Y tế xã Quỳnh Châu
27	Trạm Y tế xã Tân Kỳ
28	Trạm Y tế xã Tân Phú
29	Trạm Y tế xã Quỳnh Lưu
30	Trạm Y tế xã Quỳnh Anh

STT	Tên Trạm Y tế cấp xã
20	Trạm Y tế xã Tam Quang
21	Trạm Y tế xã Yên Hòa
22	Trạm Y tế xã Tam Thái
23	Trạm Y tế xã Yên Na
24	Trạm Y tế xã Nga Mỹ
25	Trạm Y tế xã Chiêu Lưu
26	Trạm Y tế xã Na Ngoi
27	Trạm Y tế xã Lượng Minh
28	Trạm Y tế xã Mường Xén
29	Trạm Y tế xã Hữu Kiệm
30	Trạm Y tế xã Mường Típ
31	Trạm Y tế xã Nậm Cắn
32	Trạm Y tế xã Na Loi
33	Trạm Y tế xã Bắc Lý
34	Trạm Y tế xã Mỹ Lý
35	Trạm Y tế xã Keng Đu
36	Trạm Y tế xã Huồi Tụ
37	Trạm Y tế xã Mường Lống
38	Trạm Y tế xã Thông Thụ
39	Trạm Y tế xã Tiên Phong
40	Trạm Y tế xã Tri Lễ
41	Trạm Y tế xã Mường Quàng
42	Trạm Y tế xã Nhôn Mai
43	Trạm Y tế xã Hữu Khuông
44	Trạm Y tế xã Hùng Chân
45	Trạm Y tế xã Châu Tiến
46	Trạm Y tế xã Châu Bình
47	Trạm Y tế xã Quý Hợp
48	Trạm Y tế xã Mường Chông
49	Trạm Y tế xã Châu Lộc
50	Trạm Y tế xã Tam Hợp
51	Trạm Y tế xã Minh Hợp
52	Trạm Y tế xã Mường Ham
53	Trạm Y tế xã Châu Hồng
54	Trạm Y tế xã Nghĩa Lộc
55	Trạm Y tế xã Nghĩa Lâm
56	Trạm Y tế xã Nghĩa Mai
57	Trạm Y tế xã Nghĩa Đàn
58	Trạm Y tế xã Nghĩa Thọ
59	Trạm Y tế phường Tây Hiếu

STT	Tên Trạm Y tế cấp xã
60	Trạm Y tế phường Thái Hòa
61	Trạm Y tế xã Đông Hiếu
62	Trạm Y tế xã Nghĩa Khánh
63	Trạm Y tế xã Nghĩa Hưng
64	Trạm Y tế xã Tân An
65	Trạm Y tế xã Nghĩa Đồng
66	Trạm Y tế xã Giai Xuân
67	Trạm Y tế xã Nghĩa Hành
68	Trạm Y tế xã Tiên Đồng
69	Trạm Y tế phường Hoàng Mai
70	Trạm Y tế Tân Mai
71	Trạm Y tế Quỳnh Mai
72	Trạm Y tế xã Quỳnh Văn
73	Trạm Y tế xã Quỳnh Tam
74	Trạm Y tế xã Quỳnh Sơn
75	Trạm Y tế xã Quỳnh Thắng
76	Trạm Y tế xã Quang Đồng
77	Trạm Y tế xã Giai Lạc
78	Trạm Y tế xã Đức Châu
79	Trạm Y tế xã Tân Châu
80	Trạm Y tế xã Hùng Châu
81	Trạm Y tế xã Nghi Lộc
82	Trạm Y tế xã Trung Lộc
83	Trạm Y tế xã Thần Lĩnh
84	Trạm Y tế xã Hải Lộc
85	Trạm Y tế xã Văn Kiều